

28/11/2023

Chuyên viên phân tích Nguyễn Đình Thuận
thuannnd@kbsec.com.vn**Doanh thu và lợi nhuận 3Q2023 tiếp
nối kết quả tích cực**

Doanh thu 3Q2023 của FPT đạt 13,762 tỷ VND (+23% YoY), biên lợi nhuận gộp tương ứng đạt khoảng 40%. Lợi nhuận sau thuế 3Q2023 ghi nhận 2,076 tỷ VND (+18% YoY).

Luỹ kế 9 tháng, mảng CNTT với doanh thu nước ngoài tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng và ghi nhận nhiều đơn hàng lớn. Cụ thể, doanh thu ký mới 9M2023 đạt 20,700 tỷ VND (+23.2% YoY), trong đó có 20 dự án quy mô trên 5 triệu USD.

**Mảng CNTT nước ngoài: mở rộng
hiện diện tại thị trường Mỹ**

Chúng tôi dự phóng tăng trưởng doanh thu cho mảng CNTT trong năm 2024 đạt 25% YoY dựa trên (1) Kỳ vọng doanh thu thị trường Nhật Bản (+30%YoY) và APAC (+30% YoY) tích cực nhờ nhu cầu chuyển đổi số và khả năng thâm nhập của FPT tại 2 thị trường này (2) chi tiêu cho CNTT tại Mỹ và EU được cải thiện trong 2024 (3) Lợi thế chi phí thấp, kinh nghiệm và lợi ích cộng hưởng từ những thương vụ M&A gần đây.

**Mảng Giáo dục: đóng góp tích cực
vào tăng trưởng**

Mảng Giáo dục tiếp tục cho thấy tăng trưởng ổn định. Trong 9M2023, mảng giáo dục duy trì tăng trưởng doanh thu cao, đạt 4,435 tỷ đồng (+43% YoY). Với uy tín đào tạo ra nhiều nhân lực chất lượng trong ngành CNTT, chúng tôi cho rằng mảng giáo dục sẽ thu hút nhiều sinh viên khi nhu cầu học lớn. Trong Quý 3/2023, Trường Đại học FPT thành lập Khoa Vi Mạch Bán, dự kiến sẽ chính thức đào tạo vào 2024.

**Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu
108,500 VNĐ/cổ phiếu**

Dựa trên định giá FCFE và P/E, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu FPT. Giá mục tiêu là 108,500 VNĐ/cổ phiếu, cao hơn 19% so với giá tại ngày 28/11/2023.

MUA THAY ĐỔI**Giá mục tiêu VND 108,500**

Tăng/giảm (%)	19%
Giá hiện tại (28/11/2023)	VND 91,100
Giá mục tiêu thị trường	VND 111,800
Vốn hóa (tỷ USD/ngành tỷ VND)	4.73/116

Dự phóng KQKD & định giá

Năm tài chính	2021A	2022A	2023F	2024F
Doanh thu (tỷ VND)	35,657	44,010	53,149	62,674
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	6,228	7,589	9,061	10,640
Lợi nhuận của CD công ty mẹ (tỷ VND)	4,337	5,310	6,411	7,529
EPS (VND)	4,349	4,429	5,048	5,928
Thay đổi EPS (%)	6%	2%	14%	17%
P/E (x)	10.1	16.6	18.0	15.3
P/B (x)	2.0	3.4	4.1	3.6
ROE (%)	0.2	0.3	0.3	0.3
Tỷ suất cổ tức (%)	6%	3%	2%	3%

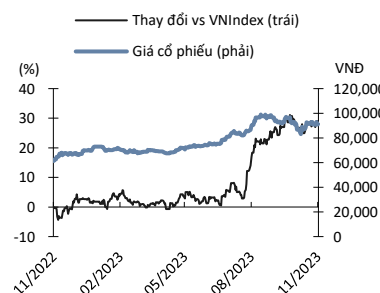
Nguồn: Bloomberg, KBSV

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	85%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	76.03
Sở hữu nước ngoài (%)	49%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-0.9	1.3	29.0	45.7
Tương đối	0.1	10.0	25.0	29.2



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KẾT QUẢ KINH DOANH 3Q2023

Doanh thu và lợi nhuận 3Q2023 tiếp nối kết quả tích cực

Doanh thu 3Q2023 của FPT đạt 13,762 tỷ VND (+23% YoY), biên lợi nhuận gộp tương ứng đạt 40%. Lợi nhuận sau thuế 3Q2023 ghi nhận 2,076 tỷ VND (+18% YoY).

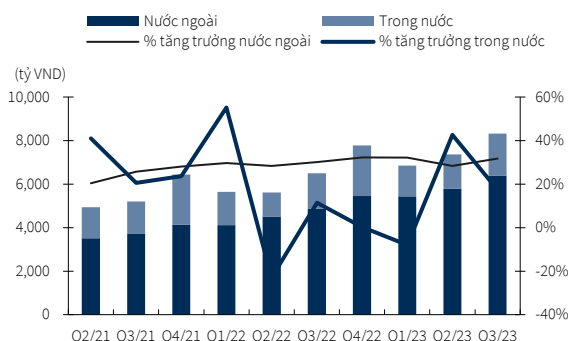
Luỹ kế 9 tháng, mảng CNTT với doanh thu nước ngoài tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng và ghi nhận nhiều đơn hàng lớn. Cụ thể, doanh thu ký mới 9M2023 đạt 20,700 tỷ VND (+23.2% YoY), trong đó có 20 dự án quy mô trên 5 triệu USD. FPT duy trì tăng trưởng cao tại Nhật và APAC bù đắp cho sự chậm lại tại Mỹ và EU. Hai mảng Viễn thông và Giáo dục duy trì tích cực với tăng trưởng lần lượt đạt 15% và 53%.

Bảng 1. Cập nhật KQKD

(tỷ VND)	9M2022	9M2023	+/-%YoY	Chú thích
Doanh thu	30,975	37,927	22%	
<i>Dịch vụ CNTT nước ngoài</i>	13,479	17,626	31%	- Doanh thu mảng này tiếp tục cho thấy đà tăng trưởng tại mọi thị trường. Cụ thể, tăng trưởng tích cực nhất tại Nhật Bản (+44.1% YoY) và APAC (+37.6% YoY). - Doanh thu chuyển đổi số 9M2023 đạt 7,710 tỷ VND (+46% YoY), tập trung vào các công nghệ mới như Cloud, AI/Data Analytics, ... - Doanh thu ký mới đạt 20,700 tỷ VND (+23.2% YoY).
<i>Dịch vụ CNTT trong nước</i>	4,263	4,891	15%	- Doanh nghiệp trong nước gặp nhiều khó khăn khiến nhu cầu đầu tư cho CNTT chậm lại. Lợi nhuận trước thuế mảng này trong 9M2023 chỉ đạt 250 tỷ VND (-34.1% YoY)
<i>Dịch vụ viễn thông</i>	10,243	11,278	10%	
<i>Quảng cáo trực tuyến</i>	564	413	-27%	
<i>Giáo dục, đầu tư và khác</i>	2,425	3,720	53%	
Lợi nhuận gộp	12,156	14,698	21%	
Biên lợi nhuận gộp (%)	39%	39%		
Chi phí SG&A	-7,392	-8,616	17%	
% SG&A/doanh thu	24%	23%		
LN từ HĐKD	5,603	6,725	20%	
Thu nhập tài chính	1,472	1,816	23%	
Chi phí tài chính	-1,018	-1,191	17%	
Thu nhập khác (ròng)	62	43	-31%	
LN trước thuế	5,665	6,768	19%	
Lợi nhuận sau thuế	4856	5,741	18%	

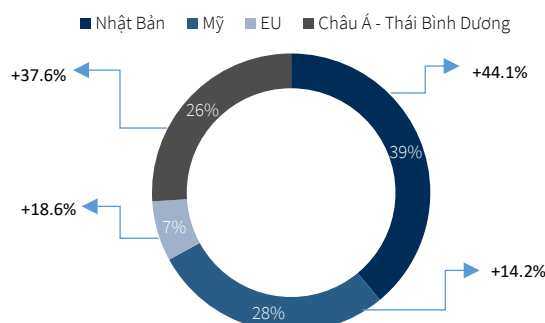
Nguồn: FPT, KBSV

Biểu đồ 2. Doanh thu và tăng trưởng khối Công nghệ 2021-2023 (YoY)



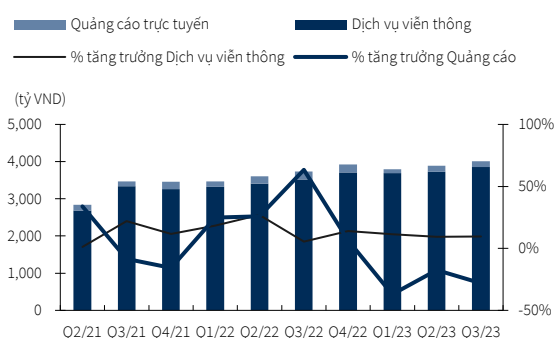
Nguồn: FPT, KBSV

Biểu đồ 3. Cơ cấu doanh thu mảng xuất khẩu phần mềm 9M2023 (YoY)



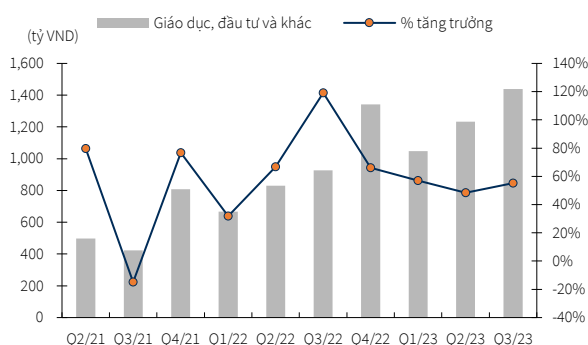
Nguồn: FPT, KBSV

Biểu đồ 4. Doanh thu và tăng trưởng khối Viễn Thông 2021-2023 (YoY)



Nguồn: FPT, KBSV

Biểu đồ 5. Doanh thu khối Giáo dục – Đầu tư 2021-2023 (YoY)



Nguồn: FPT, KBSV

Mảng CNTT nước ngoài: duy trì tăng trưởng hai chữ số

Kỳ vọng chi tiêu cho lĩnh vực CNTT toàn cầu tăng lên là yếu tố thúc đẩy mảng CNTT của FPT trong năm 2024. Theo Gartner, tổng chi tiêu cho CNTT toàn cầu vào năm 2023 và 2024 sẽ lần lượt đạt 4.7 tỉ USD (+3.5% yoy) và 5.07 tỉ USD (+8% yoy).

Theo đó, chúng tôi đưa ra dự phóng doanh thu mảng CNTT năm 2024 tăng trưởng 25% dựa trên **(1)** Kỳ vọng doanh thu tại Nhật Bản (+30%YoY) và APAC (+30% YoY) tích cực nhờ nhu cầu và khả năng thâm nhập của FPT tại 2 thị trường này **(2)** Chi tiêu cho CNTT tại Mỹ và EU cải thiện trong năm 2024 nhờ nhu cầu cho chuyển đổi số, bảo mật thông tin và xu hướng chuyển đổi mô hình sang làm việc kết hợp (hybrid) tại đây **(3)** Lợi thế chi phí thấp, kinh nghiệm và lợi ích cộng hưởng từ những thương vụ M&A gần đây sẽ giúp FPT tăng số lượng hợp đồng ký mới, trong bối cảnh xu hướng chuyển đổi số đang tiếp diễn tại nhiều khu vực trên thế giới.

Mảng CNTT nước ngoài: mở rộng hiện diện tại thị trường Mỹ

Tập đoàn đã có nhiều bước đi mở rộng sử hiện diện của mình tại thị trường Mỹ. Trong tháng 9, FPT đã thành lập một văn phòng mới tại Mexico. Văn phòng được kỳ vọng giúp hoạt động trung hơn vào các khách hàng lớn, tăng độ nhận diện cho FPT tại Mỹ Latin.

Vào tháng 10, FPT công bố thương vụ mua lại 100% cổ phần của Cardinal Peak, công ty cung cấp dịch vụ kỹ thuật công nghệ có tuổi đời 20 năm tại Mỹ. Doanh thu năm 2022 của Cardinal Peak đạt 6.1 triệu USD. Công ty đang cung cấp dịch vụ toàn diện, bao gồm phần cứng, phần mềm nhúng, IoT, điện toán đám mây và phát triển sản phẩm di động. Tập khách hàng của Cardinal Peak gồm hơn 300 công ty ở nhiều lĩnh vực như ô tô, điện tử tiêu dùng, chăm sóc sức khỏe, phát nội dung trực tuyến, robot, quốc phòng-hàng không vũ trụ, ... Đối với FPT, Cardinal Peak sẽ tạo ra lợi ích cộng hưởng nhờ tập khách hàng và nguồn nhân sự chất lượng cao về IoT và điện toán đám mây. Thông qua thương vụ này, FPT kỳ vọng tăng gấp đôi doanh thu từ mảng dịch vụ kỹ thuật sản phẩm tại thị trường Mỹ. Tuy nhiên, thương vụ nhiều khả năng sẽ chưa đóng góp đáng kể vào lợi nhuận của FPT trong 2 năm tới do chi phí khấu hao của khoản đầu tư (FPT chưa công bố chi tiết).

Mảng Giáo dục: đóng góp tích cực vào tăng trưởng

Mảng Giáo dục tiếp tục tăng trưởng ổn định. Trong 9M2023, doanh thu duy trì mức tăng cao, đạt 4,435 tỷ đồng (+43% YoY). Chúng tôi cho rằng Giáo dục của FPT sẽ thu hút được nhiều người học hơn trong bối cảnh nhu cầu trong nước vẫn lớn.

Bên cạnh đó, FPT tích cực làm việc với nhiều tỉnh thành để mở rộng thêm các cơ sở giáo dục trên cả nước. Trong Quý 3/2023, Trường Đại học FPT thành lập Khoa Vi Mạch Bán Dẫn, dự kiến sẽ chính thức đào tạo vào năm 2024. Khoa có định hướng đào tạo chuyên sâu về thiết kế vi mạch và thực hiện các nghiên cứu liên quan nhằm đào tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao trong ngành.

Mảng Viễn thông: động lực tăng trưởng từ PayTV và Data Center

Chúng tôi duy trì quan điểm mảng PayTV cùng Data Center sẽ dẫn dắt doanh thu Viễn thông trong những năm tới bởi thị trường Băng thông rộng bảo hòa, khó có thể tăng trưởng vượt mức. Mảng Băng thông rộng có thể mang lại doanh thu ổn định từ lượng khách hàng hiện có nhưng chỉ kỳ vọng với mức tăng một con số.

Về PayTV, FPT đang tập trung đầu tư mua bản quyền các chương trình giải trí để thu hút được thêm nhiều khách hàng đăng ký. Về Data Center, việc 2 Data center tại TP. Hồ Chí Minh đi vào hoạt động trong 2024 có thể cải thiện lợi nhuận của khối Viễn thông bởi biên lợi nhuận gộp của mảng này tốt hơn khá nhiều so với trung bình của cả khối Viễn thông.

DỰ PHÓNG KẾT QUẢ KINH DOANH

Bảng 6. Dự phóng KQKD

(tỷ VND)	2022	2023F	+/-%YoY	2024F	+/-%YoY	Chú thích
Doanh thu	44,010	53,149	21%	62,674	18%	
<i>Dịch vụ CNTT nước ngoài</i>	18,935	24,528	30%	30,650	25%	<ul style="list-style-type: none"> - Dự phóng tăng trưởng doanh thu tại thị trường Nhật Bản và APAC đạt khoảng 30% trong năm 2024 nhờ nhu cầu chi tiêu lớn cho CNTT, đặc biệt là chuyển đổi số. - Thị trường US và EU hồi phục nhẹ trở lại trong năm 2024. Chúng tôi dự phóng mức tăng trưởng cho FPT tại Mỹ là 16% và EU là 17%
<i>Dịch vụ CNTT trong nước</i>	6,586	7,113	8%	7,113	0%	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ CNTT trong nước dự phóng sẽ đi ngang trong bối cảnh các doanh nghiệp thắt chặt chi tiêu do ảnh hưởng chung của nền kinh tế
<i>Dịch vụ viễn thông</i>	13,954	15,275	9%	16,722	9%	<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ băng thông rộng sẽ duy trì do thị trường đã gần như bão hòa. Tăng trưởng mảng này sẽ được dẫn dắt bởi PayTV và Data Center.
<i>Quảng cáo trực tuyến</i>	775	581	-25%	599	3%	<ul style="list-style-type: none"> - Dự phóng tăng trưởng 3% trong năm 2024 từ mức nền thấp 2023
<i>Giáo dục, đầu tư và khác</i>	3,767	5,652	50%	7,591	34%	<ul style="list-style-type: none"> - Dự phóng Mảng Giáo dục tăng trưởng tích cực trong 2024 nhờ (1) nhu cầu học lớn trong khi các trường công lập chưa đáp ứng hết (2) triển vọng từ những cơ sở giáo dục mở mới của FPT (3) hưởng lợi từ lứa sinh viên đầu tại cho lĩnh vực vi mạch bán dẫn.
Lợi nhuận gộp	17,167	20,463	19%	24,129	18%	
Biên lợi nhuận gộp (%)	39%	39%		39%		
Chi phí SG&A	-10,373	-12,224	18%	-14,415	18%	
% SG&A/doanh thu	24%	23%		23%		
LN từ HĐKD	7,589	9,061	19%	10,640	17%	
Thu nhập tài chính	1,999	2,031	2%	1,966	-3%	
Chi phí tài chính	-1,687	-1,209	-28%	-1,040	-14%	
Thu nhập khác (ròng)	73	80	9%	94	18%	
LN trước thuế	7,662	9,220	20%	10,828	17%	
Lợi nhuận sau thuế	6,491	7,837	21%	9,204	17%	

Nguồn: FPT, KBSV

Định giá

Phương pháp định giá

Chúng tôi sử dụng 2 phương pháp định giá là chiết khấu dòng tiền (DCF) và so sánh tương quan chỉ số P/E các doanh nghiệp cùng ngành có cùng quy mô vốn tại các thị trường đang phát triển của châu Á đối với 2 mảng Công nghệ và Viễn Thông. Đối với mảng Giáo Dục do chưa có tách biệt giữa mảng giáo dục và đầu tư, chúng tôi giả định mức P/E hiện tại là hợp lý.

Kết hợp hai phương pháp định giá trên với tỉ lệ 50-50 để ra được giá hợp lý cuối cùng cho cổ phiếu FPT là 108,500 VND/cổ phiếu, cao hơn 19% so với giá ngày 28/11/2023.

Bảng 7. Định giá theo phương pháp FCFF

Chi phí vốn CSH	13%	Giá trị hiện tại của giá trị dài hạn (TV)	102,301
Lãi suất phi rủi ro	5%	Tổng giá trị hiện tại giai đoạn 2023-2027 (PV)	50,205
Phần bù rủi ro	8%	Tổng giá trị hiện tại	152,506
Beta	1	Giá trị VCSH	155,858
Tăng trưởng dài hạn	5%	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành (triệu cổ phiếu)	1,270
		Giá trị VCSH/cổ phiếu (VNĐ)	110,453

Nguồn: KBSV ước tính

Bảng 8. Định giá theo phương pháp P/E

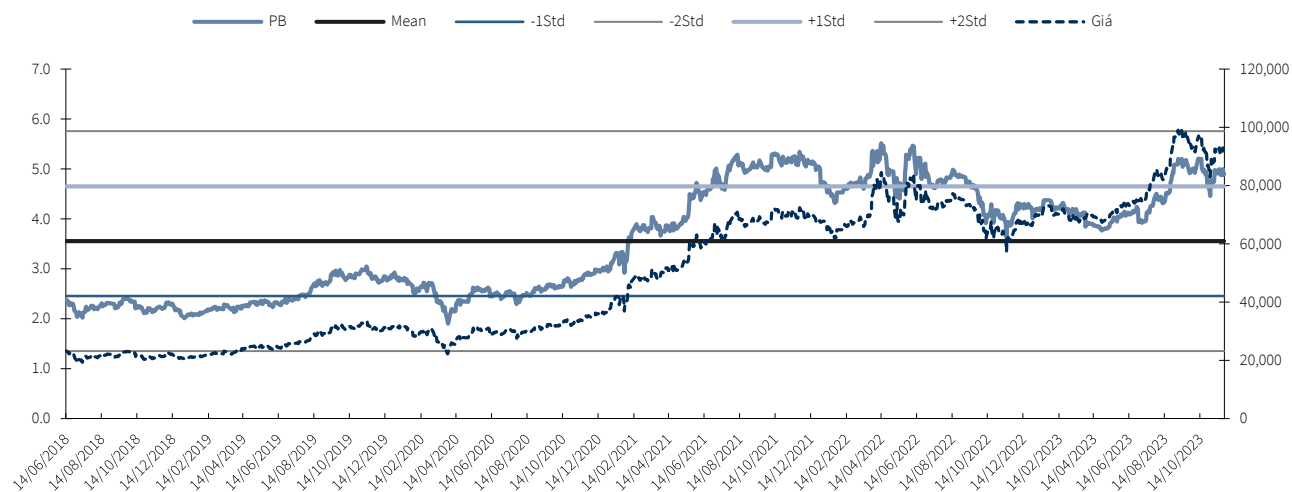
Định giá theo PE	P/E mục tiêu	Đóng góp lợi nhuận	Tỷ trọng
Công nghệ	27.2	45%	12.2
Viễn thông	15.6	37%	5.8
Giáo dục và Đầu tư	16.3	19%	3.1
Tổng			21.1
Giá mục tiêu			106,519

Nguồn: KBSV ước tính

Bảng 9. Tổng hợp định giá FPT

Phương pháp	Giá dự phóng	Tỷ trọng	Giá dự phóng theo tỷ trọng
FCFF	110,453	50%	55,227
P/E	106,519	50%	53,259
Giá mục tiêu (làm tròn)			108,500
Giá hiện tại			91,100
Upside			19%

Nguồn: KBSV ước tính

Biểu đồ 10. Diễn biến P/B của FPT giai đoạn 2018-2023

Nguồn: Bloomberg, KBSV

Biểu đồ 11. So sánh tương quan P/E các doanh nghiệp ngành Công nghệ tại các quốc gia đang phát triển thuộc Châu Á

	Vốn hoá thị trường (nghìn tỷ VND)	PE forward	Tỷ trọng	PE theo tỷ trọng
Persistent Systems Ltd	143	37	10%	3.8
Isoftstone Information Technol	136	28	10%	2.7
Mphasis Ltd	128	25	9%	2.2
Coforge Ltd	100	31	7%	2.3
Tajji Computer Corp Ltd	64	30	5%	1.4
China TransInfo Technology Co	64	29	5%	1.3
Chinasoft International Ltd	60	16	4%	0.7
Cyient Ltd	60	24	4%	1.0
Beijing Ultrapower Software Co	58	18	4%	0.8
CETC Digital Technology Co Ltd	55	21	4%	0.8
Sonata Software Ltd	53	29	4%	1.1
Wonders Information Co Ltd	46	41	3%	1.3
PCI Technology Group Co Ltd	42	33	3%	1.0
Yusys Technologies Co Ltd	41	23	3%	0.7
Digital China Information Serv	40	25	3%	0.7
Beijing eGOVA Co Ltd	40	29	3%	0.8
Fujian Boss Software Developme	37	23	3%	0.6
Happiest Minds Technologies Lt	37	40	3%	1.1
Zensar Technologies Ltd	36	20	3%	0.5
Troy Information Technology Co	34	63	2%	1.5
Richinfo Technology Co Ltd	34	25	2%	0.6
Chengdu Information Technology	32	62	2%	1.4
Beijing Shenzhen Hangtian Soft	32	45	2%	1.0
Northking Information Technolo	29	20	2%	0.4
P/E trung bình				27.2x

Nguồn: Bloomberg, KBSV

Biểu đồ 12. So sánh tương quan P/E các doanh nghiệp ngành Viễn Thông tại các quốc gia đang phát triển thuộc Châu Á

	Vốn hoá thị trường (nghìn tỷ VND)	PE forward	Tỷ trọng	PE theo tỷ trọng
Far EasTone Telecommunications	199	23	10%	2.3
Maxis Bhd	163	23	8%	1.8
Intouch Holdings PCL	155	18	8%	1.4
Indus Towers Ltd	146	9	7%	0.6
Tata Communications Ltd	146	30	7%	2.2
PLDT Inc	119	9	6%	0.5
Indosat Tbk PT	114	15	6%	0.8
Axiata Group Bhd	113	26	6%	1.5
Globe Telecom Inc	110	13	5%	0.7
Telekom Malaysia Bhd	105	13	5%	0.7
Dayamitra Telekomunikasi PT	91	25	4%	1.1
GrameenPhone Ltd	85	11	4%	0.5
Sarana Menara Nusantara Tbk PT	78	13	4%	0.5
China Communications Services	76	6	4%	0.2
China Bester Group Telecom Co	51	60	3%	1.5
TIME dotCom Bhd	49	19	2%	0.5
XL Axiata Tbk PT	43	17	2%	0.3
Montnets Cloud Technology Grou	43	34	2%	0.7
Jasmine Broadband Internet Inf	36	8	2%	0.1
Robi Axiata Ltd	35	35	2%	0.6
Route Mobile Ltd	28	22	1%	0.3
Railtel Corp of India Ltd	27	31	1%	0.4
Converge Information and Commu	26	7	1%	0.1
P/E trung bình				15x

Nguồn: Bloomberg, KBSV

PHỤ LỤC

FPT – Bảng tóm tắt KQKD & dự phóng, 2021A – 2024F

Báo cáo Kết quả HKKD (Tỷ VNĐ)					Bảng cân đối kế toán (Tỷ VNĐ)				
	2021	2022	2023F	2024F		2021	2022	2023F	2024F
Doanh số thuần	35,657	44,010	53,149	62,674	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	53,698	51,650	60,144	66,453
Giá vốn hàng bán	22,025	26,842	32,687	38,545	TÀI SẢN NGẮN HẠN	35,118	30,938	39,196	43,952
Lãi gộp	13,632	17,167	20,463	24,129	Tiền và tương đương tiền	5,418	6,440	8,069	9,526
Thu nhập tài chính	1,271	1,999	2,031	1,966	Giá trị thuần đầu tư ngắn hạn	20,731	13,047	13,047	13,047
Chi phí tài chính	-1,144	-1,687	-1,209	-1,040	Các khoản phải thu	6,882	8,503	10,193	12,020
Trong đó: Chi phí lãi vay	-484	-646	-1,209	-1,040	Hàng tồn kho, ròng	1,507	1,966	2,418	2,851
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh (từ năm 2015)	687	484	57	312	TÀI SẢN DÀI HẠN	18,580	20,713	20,949	22,501
Chi phí bán hàng	-3,605	-4,526	-5,315	-6,267	Phải thu dài hạn	167	225	225	225
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-4,612	-5,846	-6,909	-8,148	Tài sản cố định	10,399	12,033	13,341	14,893
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	6,228	7,589	9,061	10,640	Tài sản dở dang dài hạn	0	0	0	0
Thu nhập khác	133	184	213	251	Đầu tư dài hạn	3,102	3,238	3,228	3,228
Chi phí khác	-25	-111	-133	-157	Lợi thế thương mại	466.0	407.9	407.9	407.9
Thu nhập khác, ròng	109	73	80	94	NỢ PHẢI TRẢ	32,280	26,294	30,945	32,736
Lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh	0	0	0	0	Nợ ngắn hạn	29,761	24,521	29,100	30,791
Lãi/(lỗ) ròng trước thuế	6,337	7,662	9,220	10,828	Phải trả người bán	2,866	3,209	4,828	5,493
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-988	-1,171	-1,383	-1,624	Người mua trả tiền trước	711	491	491	491
Lãi/(lỗ) thuần sau thuế	5,349	6,491	7,837	9,204	Vay ngắn hạn	17,799	10,904	11,851	11,325
Lợi ích của cổ đông thiểu số	1,012	1,181	1,426	1,675	Nợ dài hạn	2,519	1,773	1,845	1,945
Lợi nhuận của Cổ đông của Công ty mẹ	4,337	5,310	6,411	7,529	Phải trả nhà cung cấp dài hạn	0	0	0	0
					Người mua trả tiền trước dài hạn	0	0	0	0
					Doanh thu chưa thực hiện	95	115	115	115
					Vay dài hạn	2,296	1,478	1,578	1,678
					VỐN CHỦ SỞ HỮU	21,418	25,356	29,200	33,717
					Vốn góp	9,076	10,970	10,970	10,970
					Thặng dư vốn cổ phần	50	50	50	50
					Lãi chưa phân phối	7,000	7,712	11,558	16,075
					Vốn Ngân sách nhà nước và quỹ khác	3	3	3	3
					Lợi ích cổ đông không kiểm soát	3,477	4,310	4,310	4,310
Chỉ số hoạt động					Chỉ số chính				
					(x, %, VNĐ)				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	38.2%	39.0%	38.5%	38.5%	Chỉ số định giá				
Tỷ suất EBITDA	19.2%	19.1%	19.5%	19.1%	P/E	10.1	16.6	18.0	15.3
Tỷ suất EBIT	19.1%	18.9%	19.6%	18.9%	P/E pha loãng	10.1	16.6	18.0	15.3
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế	17.8%	17.4%	17.3%	17.3%	P/B	2.0	3.4	4.1	3.6
Tỷ suất lãi hoạt động KD	17.5%	17.2%	17.0%	17.0%	P/S	1.1	1.8	2.2	1.8
Tỷ suất lợi nhuận thuần	15.0%	14.7%	14.7%	14.7%	P/Tangible Book	2.0	3.4	4.1	3.6
					P/Cash Flow	6.8	16.0	16.8	12.4
					Giá trị doanh nghiệp/EBITDA	8.0	10.0	11.4	10.1
					Giá trị doanh nghiệp/EBIT	9.9	12.3	13.4	11.8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					Hiệu quả quản lý				
(Tỷ VNĐ)					ROE%	25%	26%	27%	27%
Lãi trước thuế	6,337	7,662	9,220	10,828	ROA%	8%	10%	11%	11%
Khấu hao TSCĐ	1,644	1,833	1,800	2,005	ROIC%	19%	26%	30%	32%
Lãi/(lỗ) từ hoạt động đầu tư	-1,700	-1,987	-1,987	-1,987	Cấu trúc tài chính				
Chi phí lãi vay	484	646	1,209	1,040	Tỷ suất thanh toán tiền mặt	0.31	0.27	0.21	0.21
Lãi/(lỗ) trước những thay đổi vốn lưu động	7,053	9,042	10,241	11,886	Tỷ suất thanh toán nhanh	0.71	0.66	0.63	0.77
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	-694	-1,949	-1,621	-1,690	Tỷ suất thanh toán hiện thời	1.45	1.27	1.18	1.13
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	-218	-498	-458	-452	Vốn vay dài hạn/Vốn CSH	11%	6%	5%	5%
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	1,910	1,300	343	1,619	Vốn vay dài hạn/Tổng Tài sản	4%	3%	3%	3%
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	-376	-634	-634	-634	Vốn vay ngắn hạn/Vốn CSH	83%	43%	41%	34%
Chứng khoán kinh doanh, chi phí lãi vay, thuế và khác	1,093	-369	-1,020	-1,448	Vốn vay ngắn hạn/Tổng Tài sản	33%	21%	20%	17%
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh	5,840	5,054	6,852	9,281	Công nợ ngắn hạn/Vốn CSH	139%	97%	100%	91%
Tiền mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-2,911	-3,215	-3,720	-4,387	Công nợ ngắn hạn/Tổng Tài sản	55%	47%	48%	46%
Tiền thu được từ thanh lý tài sản cố định	3	6	0	0	Tổng công nợ/Vốn CSH	151%	104%	106%	97%
Tiền cho vay hoặc mua công cụ nợ	-35,827	-32,995	0	0	Tổng công nợ/Tổng Tài sản	60%	51%	51%	49%
Tiền thu từ cho vay hoặc thu từ phát hành công cụ nợ	27,590	40,669	0	0	Chỉ số hoạt động				
Đầu tư vào các doanh nghiệp khác	-451	-557	0	0	Hệ số quay vòng phải thu khách hàng	5.2	5.2	5.2	5.2
Tiền thu từ việc bán các khoản đầu tư vào các doanh nghiệp khác	0	56	0	0	Hệ số quay vòng HTK	14.6	13.7	13.5	13.5
Cổ tức và tiền lãi nhận được	1,183	1,794	0	0	Hệ số quay vòng phải trả nhà cung cấp	7.8	8.5	6.9	7.1
Lưu chuyển tiền tệ ròng từ hoạt động đầu tư	-10,413	5,757	-3,720	-4,387					
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và vốn góp	88	77	0	0					
Chi trả cho việc mua lại, trả lại cổ phiếu	0	0	0	0					
Tiền thu được các khoản đi vay	34,464	28,120	1,046	0					
Tiền trả các khoản đi vay	-26,931	-35,740	0	-526					
Tiền thanh toán vốn gốc đi thuê tài chính	-1	-8	0	0					
Cổ tức đã trả	-2,254	-2,222	-2,564	-3,012					
Tiền lãi đã nhận	0	0	0	0					
Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính	5,365	-9,773	-1,518	-3,437					
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	791	1,038	1,614	1,456					
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4,686	5,418	6,456	8,069					
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	5,478	6,456	8,069	9,526					

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoảng phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhdt@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tiens@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.